



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 201

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 6

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400135552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034287 cấp lần đầu ngày 03 tháng 1 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 12 tháng 5 năm 2017.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Nhà TM, khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024.22253666
- Fax : 024.22253666

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Sông Đà 6.01	Xã Khoen On, huyện Thanh Uyên, tỉnh Lai Châu
Chi nhánh Sông Đà 6.03	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Sông Đà 6.04	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu
Chi nhánh Sông Đà 6.05	Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Sông Đà 6.06	Xã Thống Nhất, huyện Hoàn Bô, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Hà Nội (*)	Tầng 1, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

(*) Ngày 25 tháng 12 năm 2018, Hội đồng quản trị công ty đã ban hành nghị quyết số 143/NQ-HĐQT về việc chấm dứt hoạt động (giải thể) Chi nhánh Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến thế điện;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, đường ống cấp thoát nước;
- Sản xuất kinh doanh xi măng;
- Vận tải;
- Bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng;
- Xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị cơ khí, cơ giới và công nghệ xây dựng;
- Sản xuất điện;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh du lịchữ hành nội địa./.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đặng Quốc Bảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Hồ Sỹ Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2016
Ông Bùi Đình Đông	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2016
Ông Đào Xuân Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 05 năm 2018
Ông Nguyễn Sinh Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 05 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đình Tứ	Trưởng ban	Ngày 12 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Anh Đào	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2016
Ông Ninh Văn Khương	Thành viên	Ngày 05 tháng 5 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đào Xuân Tuấn	Tổng Giám đốc	Ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Lê Tiến Thủ	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 14 tháng 10 năm 2014
Ông Hà Quốc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Vũ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 18 tháng 12 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đào Xuân Tuấn – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chạy mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đào Xuân Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2019

5-
HÀ
07
VÀ
24
HÀ

Số: 2.0189/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2019, từ trang 7 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 6 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vào ngày 15 tháng 3 năm 2018 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành V kiểm toán. Căn cứ Thông báo kết quả kiểm toán số 199/TB-KTNN ngày 15 tháng 01 năm 2019, Công ty đã thực hiện điều chỉnh số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2018 (xem thuyết minh VII.3).

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2963-2015-008-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.176.776.685.303	1.136.465.238.885
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.731.966.118	28.882.887.093
1. Tiền	111		17.731.966.118	28.882.887.093
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		551.273.470.681	616.340.691.659
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	535.829.077.783	624.982.889.452
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	41.801.342.315	13.935.159.298
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	9.266.647.103	13.322.478.510
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(35.623.596.520)	(35.899.835.601)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		602.921.313.479	488.774.340.015
1. Hàng tồn kho	141	V.7	602.921.313.479	488.774.340.015
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.849.935.025	2.467.320.118
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.849.935.025	2.467.320.118
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		315.152.348.081	338.767.437.342
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		199.306.350.618	204.798.528.978
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	199.306.350.618	204.798.528.978
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		85.936.434.651	110.062.486.069
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	85.936.434.651	110.062.486.069
Nguyên giá	222		438.318.893.105	444.863.806.786
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(352.382.458.454)	(334.801.320.717)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.835.656.194	2.325.656.194
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	3.602.000.000	4.042.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(1.766.343.806)	(1.716.343.806)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		28.073.906.618	21.580.766.101
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	28.073.906.618	21.580.766.101
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.491.929.033.384	1.475.232.676.227

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.027.043.760.692	989.889.892.488
I. Nợ ngắn hạn	310		1.023.354.260.692	983.986.392.488
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	185.364.349.394	230.561.674.642
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	102.065.018.219	35.915.803.442
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	16.800.994.444	17.113.595.026
4. Phải trả người lao động	314		55.041.638.456	48.183.234.650
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	6.474.037.675	14.184.773.323
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	119.751.061.020	77.211.848.873
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	534.759.299.329	557.279.176.956
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	3.097.862.155	3.536.285.576
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.689.500.000	5.903.500.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	3.689.500.000	5.903.500.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		464.885.272.692	485.342.783.739
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	464.885.272.692	485.342.783.739
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		347.716.110.000	347.716.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		347.716.110.000	347.716.110.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.336.985.455	31.336.985.455
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.802.853.978	75.329.552.925
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.029.323.259	30.960.135.359
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(540.406.073)	30.960.135.359
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.569.729.332	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.491.929.033.384	1.475.232.676.227

Người lập biểu



Trần Ngọc Ánh

Kế toán trưởng



Lê Văn Sinh



Đào Xuân Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	695.514.763.545	969.029.447.867
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	56.423.008.366	24.239.367.443
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	639.091.755.179	944.790.080.424
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	521.178.692.814	791.082.710.616
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		117.913.062.365	153.707.369.808
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	108.995.219	9.481.028.354
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	42.955.346.672	45.269.763.685
Trong đó: chi phí lãi vay	23		40.204.857.627	42.096.808.358
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	63.704.844.254	80.997.362.819
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.361.866.658	36.921.271.658
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.520.525.336	5.062.001.835
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.942.030.505	1.900.495.341
13. Lợi nhuận khác	40		578.494.831	3.161.506.494
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.940.361.489	40.082.778.152
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.370.632.157	9.122.642.793
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>9.569.729.332</u>	<u>30.960.135.359</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>275</u>	<u>827</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>275</u>	<u>827</u>

Người lập biểu

Trần Ngọc Ánh

Kế toán trưởng

Lê Văn Sinh



Đào Xuân Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.940.361.489	40.082.778.152
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	24.221.071.418	36.315.546.620
- Các khoản dự phòng	03	V.2	(50.000.000)	11.829.858.712
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(832.548.238)	(12.739.122.622)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	40.204.857.627	42.096.808.358
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	409.090.909
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		75.483.742.296	117.994.960.129
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		68.453.023.512	(133.387.243.163)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(114.146.973.464)	22.118.772.018
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		37.904.124.146	(76.018.043.227)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.493.140.517)	1.472.937.767
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(40.204.857.627)	(42.096.808.358)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(5.942.114.932)	(10.359.501.560)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(2.648.375.000)	(4.007.709.420)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.405.428.414	(124.282.635.814)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(184.320.000)	(2.560.593.058)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		844.572.728	28.560.494.039
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		465.000.000	28.581.042.124
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		52.275.510	945.424.230
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.177.528.238	55.526.367.335

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15	727.705.358.042	871.223.667.870		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15	(752.439.235.669)	(799.178.359.220)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.733.877.627)	72.045.308.650		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(11.150.920.975)	3.289.040.171		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	28.882.887.093	25.593.846.922		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-	-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	17.731.966.118	28.882.887.093		

Người lập biểu

Trần Ngọc Ánh

Kế toán trưởng

Lê Văn Sinh

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2019



Đào Xuân Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình, sản xuất kinh doanh vật tư.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến thế điện; sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, đường ống cấp thoát nước; xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị cơ khí, cơ giới và công nghệ xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 25 tháng 12 năm 2018, Hội đồng quản trị công ty đã ban hành nghị quyết số 143/NQ-HĐQT về việc chấm dứt hoạt động (giải thể) chi nhánh Hà Nội, mục đích sắp xếp lại doanh nghiệp, giảm các khâu quản lý trung gian, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

6. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 6.01	Xã Khoen On, huyện Thanh Uyên, tỉnh Lai Châu
Chi nhánh Sông Đà 6.03	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Sông Đà 6.04	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu
Chi nhánh Sông Đà 6.05	Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Sông Đà 6.06	Xã Thống Nhất, huyện Hoàn Bò, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Hà Nội (*)	Tầng 1, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

(*) Đã giải thể từ ngày 25 tháng 12 năm 2018

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.250 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.917 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư góp vốn vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác, được xác định như sau:
$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất kinh doanh} \\ \text{cuối kỳ của từng công} \\ \text{trình/hạng mục công trình} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng dở dang} \\ \text{cuối kỳ của công trình/} \\ \text{hạng mục công trình} \end{array} \times (1 - \text{Tỷ lệ lãi định mức})$$

Trong đó: Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ được xác định trên cơ sở khối lượng dở dang cuối kỳ theo kết quả kiểm kê.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

10. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu của Công ty là giá trị khối lượng xây lắp bị cắt giảm khi quyết toán công trình được phê duyệt, được ghi nhận khi phát sinh giá trị bị cắt giảm.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.375.168.748	7.111.056.253
Tiền gửi ngân hàng	14.356.797.370	21.771.830.840
Cộng	<u>17.731.966.118</u>	<u>28.882.887.093</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	500.000.000	(300.000.000)	200.000.000	500.000.000	(250.000.000)	250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong (*)	3.000.000.000	(1.466.343.806)		3.000.000.000	(1.466.343.806)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà				440.000.000		
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	102.000.000			102.000.000		
Cộng	<u>3.602.000.000</u>	<u>(1.766.343.806)</u>		<u>4.042.000.000</u>	<u>(1.716.343.806)</u>	

(*) Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong đang được trích theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán do chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(1.716.343.806)	(10.101.286.186)
Trích lập dự phòng bổ sung	(50.000.000)	(1.791.428.120)
Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước		221.808.500
Hoàn nhập dự phòng		9.954.562.000
Số cuối năm	<u>(1.766.343.806)</u>	<u>(1.716.343.806)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	269.068.485.819	364.771.396.929
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	252.035.092.416	348.008.607.311
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	15.591.471.630	15.344.213.125
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (*)	32.433.208	32.433.208
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.280.838.395	1.280.838.395
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	128.650.170	105.304.890
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	266.760.591.964	260.211.492.523
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Á	91.301.355.525	47.988.897.667
Công ty TNHH Thanh Bình	30.609.258.913	31.908.242.527
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Long	27.206.662.555	78.217.955.163
Công ty Cổ phần Long Việt	2.009.040.180	10.556.995.172
Các khách hàng khác	115.634.274.791	91.539.401.994
Cộng	<u>535.829.077.783</u>	<u>624.982.889.452</u>

(*) Công ty đã bù trừ công nợ phải thu Chi nhánh Sông Đà 901 với công nợ phải trả Văn phòng Công ty Cổ phần Sông Đà 9, số tiền 499.608.792 VND

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	103.864.345.179	109.503.716.908
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	103.864.345.179	109.503.716.908
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	95.442.005.439	95.294.812.070
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Á	15.578.684.299	8.300.043.032
Công ty TNHH Thanh Bình	24.271.036.078	11.882.564.864
Công ty Cổ phần Long Việt	25.121.074.872	22.863.775.580
Các khách hàng khác	30.471.210.190	52.248.428.594
Cộng	<u>199.306.350.618</u>	<u>204.798.528.978</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	108.643.256	393.264.889
Tổng công ty Sông Đà - CTCP		52.150.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	76.237.000	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	32.406.256	341.114.889
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	41.692.699.059	13.541.894.409
Công ty TNHH MTV Xây Dựng 470		8.193.221.033
Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Phát Linh	7.839.252.281	
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Lai Châu	22.000.000.000	
Công ty Cổ phần THT Hoàng Long	10.000.000.000	
Các khách hàng khác	1.853.446.778	5.348.673.376
Cộng	<u>41.801.342.315</u>	<u>13.935.159.298</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.879.634.606</i>	<i>9.867.535.429</i>
Tổng công ty sông Đà - CTCP	597.380.000	8.835.135.428
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	249.854.605	
Ông Hồ Sỹ Hùng	1.032.400.001	1.032.400.001
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>7.387.012.497</i>	<i>3.454.943.081</i>
Tạm ứng	5.000.246.635	1.847.529.572
Ký quỹ, ký cược	251.860.622	266.560.622
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.134.905.240	1.340.852.887
Cộng	<u>9.266.647.103</u>	<u>13.322.478.510</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
<i>Các bên liên quan</i>		<i>32.395.065.507</i>	<i>(32.395.065.507)</i>		<i>32.395.065.507</i>	<i>(32.395.065.507)</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	> 3 năm	32.395.065.507	(32.395.065.507)	> 3 năm	32.395.065.507	(32.395.065.507)
<i>Các tổ chức khác</i>		<i>3.228.531.013</i>	<i>(3.228.531.013)</i>		<i>3.504.770.094</i>	<i>(3.504.770.094)</i>
Công ty TNHH Trung Kiên				> 3 năm	126.239.081	(126.239.081)
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	> 3 năm	1.721.596.590	(1.721.596.590)	> 3 năm	1.721.596.590	(1.721.596.590)
Công ty Cổ phần XD và PT Hạ tầng Thăng Long				> 3 năm	150.000.000	(150.000.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	> 3 năm	420.905.423	(420.905.423)	> 3 năm	420.905.423	(420.905.423)
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	> 3 năm	1.086.029.000	(1.086.029.000)	> 3 năm	1.086.029.000	(1.086.029.000)
Cộng		<u>35.623.596.520</u>	<u>(35.623.596.520)</u>		<u>35.899.835.601</u>	<u>(35.899.835.601)</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(35.899.835.601)	(35.915.571.051)
Sử dụng dự phòng	276.239.081	
Điều chỉnh theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước		15.735.450
Số cuối năm	<u>(35.623.596.520)</u>	<u>(35.899.835.601)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	34.895.996.521		28.832.893.671	
Công cụ, dụng cụ	1.269.941.367		1.028.168.912	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	564.873.751.580		456.039.745.226	
Công trình thủy điện Xekaman - Xan xay	172.863.831.586		162.455.009.801	
Công trình thủy điện Huội Quang	84.130.141.536		73.512.763.211	
Công trình thủy điện Đồng Nai 5	69.466.668.399		57.578.489.681	
Các công trình khác	238.413.110.059		162.493.482.533	
Thành phẩm	1.881.624.011		2.873.532.206	
Cộng	602.921.313.479		488.774.340.015	

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.292.803.248	320.760.131.877	104.172.733.299	638.138.362	444.863.806.786
Mua trong năm		184.320.000			184.320.000
Thanh lý, nhượng bán		(1.732.656.100)	(3.605.015.460)	(260.091.272)	(5.597.762.832)
Thất thoát do lũ cuốn		(1.131.470.849)			(1.131.470.849)
Số cuối năm	19.292.803.248	318.080.324.928	100.567.717.839	378.047.090	438.318.893.105
<i>Trong đó:</i> Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		131.602.856.668	58.536.952.672	281.047.090	190.420.856.430
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.171.930.703	249.462.048.233	80.608.040.814	559.300.967	334.801.320.717
Khấu hao trong năm	471.601.856	17.604.428.226	6.079.676.176	65.365.159	24.221.071.417
Thanh lý, nhượng bán		(1.732.656.100)	(3.605.015.459)	(260.091.272)	(5.597.762.831)
Thất thoát do lũ cuốn		(1.042.170.849)			(1.042.170.849)
Số cuối năm	4.643.532.559	264.291.649.510	83.082.701.531	364.574.854	352.382.458.454
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	15.120.872.545	71.298.083.644	23.564.692.485	78.837.395	110.062.486.069
Số cuối năm	14.649.270.689	53.788.675.418	17.485.016.308	13.472.236	85.936.434.651

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 78.261.688.396 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ hành chính	1.343.049.595	1.233.359.248
Công cụ, dụng cụ sản xuất	21.002.751.146	15.572.563.705
Chi phí di chuyển máy móc thiết bị và lực lượng thi công	2.852.207.035	3.075.385.279
Phí bảo hiểm xe máy, thiết bị	343.746.163	390.608.490
Chi phí sửa chữa tài sản	780.512.405	1.179.074.244
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.751.640.274	129.775.135
Cộng	<u>28.073.906.618</u>	<u>21.580.766.101</u>

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>24.048.617.796</i>	<i>42.909.952.383</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	13.025.450.478	13.025.450.478
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	9.831.823.661	28.120.871.806
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	4.523.825	4.523.825
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.084.097.981	1.305.254.564
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	16.583.045	16.583.045
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		351.129.859
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	86.138.806	86.138.806
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>161.315.731.598</i>	<i>187.651.722.259</i>
Công ty TNHH MTV Thanh Lâm Tây Bắc	20.635.966.753	27.661.190.278
Công ty Cổ phần thép Đất Việt	13.239.006.440	
Công ty TNHH MTV Thái Hưng Hà Nội	13.101.936.950	
Các khách hàng khác	114.338.821.455	159.990.531.981
Cộng	<u>185.364.349.394</u>	<u>230.561.674.642</u>

11. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải và Tư vấn Đông Nam Á	47.464.720.973	
Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma	43.486.126.264	
Công ty TNHH Thanh Bình	6.410.044.100	
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Thủy điện Miền Bắc	4.231.438.715	
Công ty Cổ phần thủy điện Sông Chò	188.971.500	25.512.132.300
Các khách hàng khác	283.716.667	10.403.671.142
Cộng	<u>102.065.018.219</u>	<u>35.915.803.442</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.470.289.211	21.248.303.260	(18.353.461.608)	13.365.130.863
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.227.066.491	2.370.632.157	(5.942.114.932)	2.655.583.716
Thuế thu nhập cá nhân	416.239.324	1.103.246.404	(992.566.663)	526.919.065
Thuế tài nguyên		1.347.446.350	(1.145.909.350)	201.537.000
Các loại thuế khác		7.000.000	(7.000.000)	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		430.536.844	(378.713.044)	51.823.800
Cộng	17.113.595.026	26.507.165.015	(26.819.765.597)	16.800.994.444

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá, sỏi tại Chi nhánh Sông Đà 6.01 với mức 70.000 đ/m³ nhân với thuế suất 10%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.940.361.489	40.082.778.152
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	653.202.167	(904.519.849)
- Các khoản điều chỉnh tăng	653.202.167	
- Các khoản điều chỉnh giảm		(904.519.849)
Thu nhập chịu thuế	12.593.563.656	39.178.258.303
Thu nhập được miễn thuế		
Thu nhập tính thuế	12.593.563.656	39.178.258.303
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.518.712.731	7.835.651.661
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(148.080.574)	1.286.991.132
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.370.632.157	9.122.642.793

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí xây dựng trả cho nhà thầu phụ	4.856.350.425	12.394.184.641
Chi phí phải trả khác	1.617.687.250	1.790.588.682
Cộng	<u>6.474.037.675</u>	<u>14.184.773.323</u>

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.641.287.480</i>	<i>1.511.810.316</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (chi nhánh 2.08)	106.514.328	106.514.328
Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (chi nhánh 4.09)	68.968.481	55.054.985
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (chi nhánh 9.08)	21.993.400	-
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1 (chi nhánh Tây Nguyên)	30.659.300	30.659.300
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long (chi nhánh 11.2)	1.319.581.703	1.319.581.703
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	23.345.280	-
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	70.224.988	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>118.109.773.540</i>	<i>75.700.038.557</i>
Kinh phí công đoàn	2.095.884.360	1.697.996.917
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	7.635.678.395	4.707.766.803
Cổ tức phải trả	86.970.843.159	59.153.554.359
Quỹ Sông Đà	3.730.400.505	4.091.920.994
Các khoản phải trả khác	17.676.967.121	6.048.799.484
Cộng	<u>119.751.061.020</u>	<u>77.211.848.873</u>

15. Vay ngắn hạn/dài hạn

15a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	532.497.299.329	550.170.834.850
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành ⁽ⁱ⁾	221.266.424.715	219.480.372.208
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱ⁾	176.329.237.894	171.587.711.276
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	129.701.636.720	159.102.751.366
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Lào Cai ^(iv)	5.200.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)	2.262.000.000	7.108.342.106
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	484.000.000	5.210.342.106
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	1.778.000.000	1.898.000.000
Cộng	<u>534.759.299.329</u>	<u>557.279.176.956</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản thuộc sở hữu của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - chi nhánh Lào Cai để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công bê tông thuộc dự án công trình thủy điện Pắc Ma với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ hợp đồng thi công xây dựng công trình thủy điện Pắc Ma giữa Công ty và Công ty Cổ phần thủy điện Pắc Ma.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	550.170.834.850	727.705.358.042		(745.378.893.563)	532.497.299.329
Vay dài hạn đến hạn trả	7.108.342.106		2.214.000.000	(7.060.342.106)	2.262.000.000
Cộng	557.279.176.956	727.705.358.042	2.214.000.000	(752.439.235.669)	534.759.299.329

15b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành ^(iv)	279.000.000	715.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội ^(v)	3.410.500.000	5.188.500.000
Cộng	3.689.500.000	5.903.500.000

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để đầu tư tài sản cố định với lãi suất theo từng lần nhận nợ thời hạn vay 36 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây để đầu tư tài sản cố định với lãi suất, thời hạn theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.262.000.000	7.108.342.106
Trên 1 năm đến 5 năm	3.689.500.000	5.903.500.000
Cộng	5.951.500.000	13.011.842.106

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.536.285.576	3.441.917.182
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.209.951.579	4.102.077.814
Chi quỹ trong năm	(2.648.375.000)	(4.007.709.420)
Số cuối năm	3.097.862.155	3.536.285.576

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Số cuối năm
Số đầu năm trước	347.716.110.000	31.336.985.455	72.594.834.383	48.562.729.556	500.210.659.394
Lợi nhuận trong năm trước				30.960.135.359	30.960.135.359
Trích lập các quỹ			2.734.718.542	(6.836.796.356)	(4.102.077.814)
Chia cổ tức				(41.725.933.200)	(41.725.933.200)
Số dư cuối năm trước	347.716.110.000	31.336.985.455	75.329.552.925	30.960.135.359	485.342.783.739
Số đầu năm nay	347.716.110.000	31.336.985.455	75.329.552.925	30.960.135.359	485.342.783.739
Lợi nhuận trong năm nay				9.569.729.332	9.569.729.332
Trích lập các quỹ			1.473.301.053	(3.683.252.632)	(2.209.951.579)
Chia cổ tức				(27.817.288.800)	(27.817.288.800)
Số dư cuối năm nay	347.716.110.000	31.336.985.455	76.802.853.978	9.029.323.259	464.885.272.692

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Sông Đà	226.015.400.000	226.015.400.000
Cổ đông khác	121.700.710.000	121.700.710.000
Cộng	347.716.110.000	347.716.110.000

17c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.771.611	34.771.611
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	34.771.611	34.771.611
- Cổ phiếu phổ thông	34.771.611	34.771.611
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.771.611	34.771.611
- Cổ phiếu phổ thông	34.771.611	34.771.611

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 10 tháng 5 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 27.817.288.800
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.473.301.053
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 2.209.951.579

17e. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 264,8 USD (số đầu năm là 294 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	695.514.763.545	969.029.447.867
Doanh thu bán vật tư	45.618.570.946	6.069.121.531
Doanh thu bán thành phẩm	96.804.112.902	85.880.302.537
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.792.552.698	1.462.464.309
Doanh thu hợp đồng xây dựng	494.876.518.633	875.617.559.490
Các khoản giảm trừ doanh thu	56.423.008.366	24.239.367.443
Là giá trị khối lượng xây lắp bị cắt giảm khi quyết toán công trình		
Doanh thu thuần	639.091.755.179	944.790.080.424

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Sông Đà		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	68.437.665.663	199.736.120.675
Giảm trừ doanh thu hợp đồng xây dựng khi quyết toán	(31.133.795.444)	(15.219.040.645)
Công ty Cổ phần Sông Đà 3		
Bán hàng hóa	246.027.505	32.346.482
Doanh thu dịch vụ		6.853.339
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà		
Chi phí thí nghiệm công trình	1.274.159.820	1.509.074.272
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		
Mua hàng hóa	8.166.932.849	
Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Doanh thu dịch vụ		1.124.084.000
Giảm trừ doanh dịch vụ		592.042.000
Công ty TNHH Điện Xekaman 3		
Doanh thu hợp đồng xây dựng		245.138.524

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của vật tư đã bán	46.298.989.289	4.483.891.407
Giá vốn của thành phẩm đã bán	92.356.810.929	67.907.044.562
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.273.589.084	1.256.237.003
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	381.249.303.512	717.435.537.644
Cộng	521.178.692.814	791.082.710.616

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	52.275.510	86.334.030
Cổ tức, lợi nhuận được chia		859.090.200
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	25.000.000	8.535.604.124
Doanh thu hoạt động tài chính khác	31.719.709	
Cộng	<u>108.995.219</u>	<u>9.481.028.354</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	40.204.857.627	42.096.808.358
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	50.000.000	1.569.619.620
Chi phí tài chính khác	2.700.489.045	1.603.335.707
Cộng	<u>42.955.346.672</u>	<u>45.269.763.685</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	46.866.506.532	45.548.693.224
Chi phí vật liệu quản lý	2.231.912.864	2.458.657.894
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.580.448.692	1.706.632.486
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.110.892.026	1.374.387.908
Thuế, phí và lệ phí	142.453.792	105.228.002
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	15.735.450	10.260.239.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.415.132.390	7.739.077.652
Các chi phí khác	7.341.762.508	11.804.446.561
Cộng	<u>63.704.844.254</u>	<u>80.997.362.819</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định,	844.572.728	3.258.094.268
Tiền bồi thường nhận được	360.769.370	199.680.754
Nhượng bán vật tư, công cụ dụng cụ	826.737.805	915.098.583
Thu nhập khác	488.445.433	689.128.230
Cộng	<u>2.520.525.336</u>	<u>5.062.001.835</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản tổn thất	89.300.000	
Chi phí thanh lý công cụ, dụng cụ	598.176.398	57.161.413
Phạt do vi phạm hợp đồng	667.502.167	
Chi phí khác	587.051.940	1.843.333.928
Cộng	<u>1.942.030.505</u>	<u>1.900.495.341</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.569.729.332	30.960.135.359
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		(2.209.951.579)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(2.209.951.579)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	9.569.729.332	28.750.183.780
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	34.771.611	34.771.611
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>275</u>	<u>827</u>

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do điều chỉnh lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Biên bản kiểm toán nhà nước và trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 906 VND xuống còn 827 VND.

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm nay chưa trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có thông tin một cách đáng tin cậy về số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	425.565.711.690	346.542.238.985
Chi phí nhân công	145.377.863.810	238.834.350.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.684.104.403	36.532.523.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.565.732.672	182.882.159.087
Chi phí khác	93.766.308.077	51.851.315.883
Cộng	<u>813.959.720.652</u>	<u>856.642.587.796</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 2.904.272.783 VND (năm trước là 2.682.384.040 VND)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ
Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty chỉ phát sinh giao dịch về cổ tức công bố với Tổng công ty Sông Đà - CTCP là 18.081.232.000 VND (năm trước là 27.121.848.000 VND)

Công nợ các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.10 và V.14.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. Số liệu so sánh

Kiểm toán nhà nước chuyên ngành V đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty. Công ty đã nhận được Thông báo kết quả kiểm toán số 199/TB-KTNN ngày 15 tháng 01 năm 2019. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh theo kết quả của Kiểm toán nhà nước đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	661.669.070.805	(36.686.181.353)	624.982.889.452	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	13.185.909.012	136.569.498	13.322.478.510	(ii)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(35.915.571.051)	15.735.450	(35.899.835.601)	(iii)
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	168.112.347.625	36.686.181.353	204.798.528.978	(i)
Tài sản cố định hữu hình	221	109.845.509.461	216.976.608	110.062.486.069	
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(335.018.297.325)	216.976.608	(334.801.320.717)	(iv)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.451.090.909	(409.090.909)	4.042.000.000	(v)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(1.938.152.306)	221.808.500	(1.716.343.806)	(v)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.391.189.806	722.405.220	17.113.595.026	
Phải trả người lao động	314	41.193.891.722	6.989.342.928	48.183.234.650	(vi)
Phải trả ngắn hạn khác	319	84.201.191.801	(6.989.342.928)	77.211.848.873	(vi)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421a	31.500.541.432	(540.406.073)	30.960.135.359	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Giá vốn hàng bán	11	791.299.687.224	(216.976.608)	791.082.710.616	(iv)
Chi phí tài chính	22	45.082.481.276	187.282.409	45.269.763.685	(v)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	81.013.098.269	(15.735.450)	80.997.362.819	(iii)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	40.037.348.503	45.429.649	40.082.778.152	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	8.536.807.071	585.835.722	9.122.642.793	(viii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	31.500.541.432	(540.406.073)	30.960.135.359	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	40.037.348.503	45.429.649	40.082.778.152	
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	36.532.523.228	(216.976.608)	36.315.546.620	
Các khoản dự phòng	03	12.067.402.662	(237.543.950)	11.829.858.712	
Các khoản điều chỉnh khác	07		409.090.909	409.090.909	
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(133.250.673.665)	(136.569.498)	(133.387.243.163)	
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(76.154.612.725)	136.569.498	(76.018.043.227)	

- (i) Phân loại lại công nợ phải thu khách hàng; phải trả người lao động
- (ii) Bổ sung thuế thu nhập cá nhân đối với lao động thời vụ thuê ngoài
- (iii) Giảm số trích dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với công nợ phải thu không có xác nhận nợ
- (iv) Giảm khấu hao trạm nghiền đá cát 500.000 m³/năm Metso
- (v) Giảm chi phí ủy thác đầu tư trong giá gốc khoản đầu tư đồng thời tính lại dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vân Phong
- (vi) Phân loại lại tiền lương chưa trả người lao động
- (viii) Tính lại thuế thu nhập doanh nghiệp do tăng lợi nhuận trước thuế và loại trừ các khoản chi phí không hợp lệ

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Trần Ngọc Ánh

Kế toán trưởng

Lê Văn Sinh

Tổng Giám đốc



Đào Xuân Tuấn